BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
Số: 3573TKB -TĐHHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2020

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ PHỤ - ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020-2021

(Áp dụng cho sinh viên học lại, học cải thiện điểm)

1. Quy định về thời gian giảng dạy

*Sáng:
- Tiết 1: 07h00 - 07h50
- Tiết 2: 07h55 - 08h45
- Tiết 3: 08h50 - 09h40
- Tiết 4: 09h50 - 10h40
- Tiết 5: 10h45 - 11h35

*Chiều:
- Tiết 6: 12h30 - 13h20
- Tiết 7: 13h25 - 14h15
- Tiết 8: 14h20 - 15h10
- Tiết 9: 15h20 - 16h10
- Tiết 10: 16h15 - 17h05

*Tối:
- Tiết 11: 17h30 - 18h20
- Tiết 12: 18h25 - 19h15
- Tiết 13: 19h20 - 20h10
- Tiết 14: 20h15 - 21h05

2. Quy định về chữ viết tắt

- LT: Lý thuyết
- TH: Thực hành

3. Thời khóa biểu

STT	Phòng học	Tên học phần	Kiểu học	Số tiết	Số TC	Thời gian học	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần						
								Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bẩy	Chủ nhật
1	C.406	Bản đồ học	LT	30	2	11/10/2020-16/10/2020	Trần Thị Ngoan	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14		1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
2	A.505	Chuyên đề 1: Hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	LT	24	3	26/09/2020-28/9/2020	Phạm Thị Thanh Thủy Lê Thị Thu Hà	11,12,13,14					1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
3	A.901	Chuyên đề 1: Hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	TH	12	3	29/09/2020-1/10/2020	Phạm Thị Thanh Thủy Lê Thị Thu Hà		11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14			
4	A.501	Cơ sở khoa học môi trường	LT	30	2	03/10/2020-7/10/2020	Nguyễn Thị Hoài Thương	11,12,13,14	11,12,13,14	11.12			1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10,11	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
5	A.504	Đánh giá đất	LT	30	2	25/09/2020-29/09/2020	Trần Thị Oanh	11,12,13,14	11.12			11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
6	A.603	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	LT	45	3	25/09/2020-02/10/2020	Phí Trường Thành Lê Cảnh Tuân	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10,11	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
7	C.411	Địa lý kinh tế Việt Nam	LT	30	2	25/09/2020-29/09/2020	Lê Thị Lan Hương	11,12,13,14	11.12			11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
8	C.411	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	LT	45	3	09/10/2020-16/10/2020	Hoàng Ngọc Khắc	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10,11	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
9	A.502	Định giá đất	LT	30	2	30/09/2020-04/10/2020	Võ Diệu Linh			11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8
10	A.508	Giải tích 2	LT	30	2	25/09/2020-29/09/2020	Trương Thị Hường	11,12,13,14	11.12			11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
11	Sân Trường	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	TH	30	1	26/09/2020-04/10/2020	Vũ Thị Nhàn						1,2,3, 6,7,8,	1,2,3, 6,7,8,

STT	Phòng học	Tên học phần	Kiểu học	Số tiết	Số TC	Thời gian học	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần						
								Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bẩy	Chủ nhật
12	Sân Trường	Giáo dục thể chất 4 - Bóng chuyền 1	TH	30	1	26/09/2020-04/10/2020	Nguyễn Văn Trường						1,2,3, 4 ,7,8,9,10	1,2,3, 4 ,7,8,9,10
13	Sân Trường	Giáo dục thể chất 4- Cầu Lông 1	TH	30	1	26/09/2020-04/10/2020	Nguyễn Văn Căn						1,2,3, 4 ,7,8,9,10	1,2,3, 4 ,7,8,9,10
14	Sân Trường	Giáo dục thể chất 5 - Bóng chuyền 2	TH	30	1	10/10/2020-18/10/2020	Nguyễn Văn Trường						1,2,3, 4 ,7,8,9,10	1,2,3, 4 ,7,8,9,10
15	Sân Trường	Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ 2	TH	30	1	10/10/2020-18/10/2020	Nguyễn Hồng Thắm						1,2,3, 4 ,7,8,9,10	1,2,3, 4 ,7,8,9,10
16	Sân Trường	Giáo dục thể chất 5- Cầu Lông 2	TH	30	1	10/10/2020-18/10/2020	Nguyễn Văn Căn						1,2,3, 4 ,7,8,9,10	1,2,3, 4 ,7,8,9,10
17	Sân Trường	Giáo dục thể chất4 - Bóng rổ 1	TH	30	1	26/09/2020-04/10/2020	Nguyễn Hồng Thắm						1,2,3, 4 ,7,8,9,10	1,2,3, 4 ,7,8,9,10
18	C.411	Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên môi trường	LT	45	3	30/09/2020-8/10/2020	Kiều Thị Hòa	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
19	C.406	Hệ thống thông tin đất đai	LT	30	2	17/10/2020-21/10/2020	Tăng Thị Thanh Nhàn	11,12,13,14	11,12,13,14	11.12			1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
20	C.405	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám	LT	30	2	25/09/2020-29/09/2020	Phạm Thị Thương Huyền	11,12,13,14	11.12			11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
21	A.510	Hóa học biển	LT	30	2	25/09/2020-29/09/2020	Bùi Đắc Thuyết	11,12,13,14	11.12			11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
22	A.506	Hóa học đại cương	LT	30	2	30/09/2020-04/10/2020	Lê Ngọc Anh Vũ Thị Thu Hà			11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8
23	A.601	Khí hậu Việt Nam và biến đổi khí hậu	LT	30	2	25/09/2020-29/09/2020	Trần Thị Mai Phương	11,12,13,14	11.12			11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
24	C.409	Khí tượng cơ sở	LT	45	3	30/09/2020-8/10/2020	Trần Đình Linh	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
25	A.601	Khí tượng cơ sở 2	LT	45	3	30/09/2020-08/10/2020	Chu Thị Thu Hường	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
26	A.601	Khí tượng động lực 2	LT	45	3	09/10/2020-16/10/2020	Chu Thị Thu Hường	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8
27	C.408	Lập và phân tích dự án môi trường	LT	30	2	25/09/2020-29/09/2020	Nguyễn Thị Thu Hường	11,12,13,14	11.12			11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
28	A.502	Lịch sử các học thuyết kinh tế	LT	30	2	25/09/2020-29/09/2020	Tống Thị Thu Hòa	11,12,13,14	11.12			11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
29	A.604	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam	LT	45	3	25/09/2020-02/10/2020	Phạm Ngọc Thúy	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10,11	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
30	A.505	Nhập môn mạng máy tính	LT	45	3	03/10/2020-09/10/2020	Trịnh Thị Lý	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
31	A.501	Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác - Lênin 1	LT	30	2	25/09/2020-29/09/2020	Đỗ Minh Anh	11,12,13,14	11.12			11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
32	C.402	Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác - Lênin 2	LT	45	3	30/09/2020-8/10/2020	Nguyễn Thị Na	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
33	A.510	Phân tích thống kê trong Tài nguyên nước	LT	45	3	30/09/2020-8/10/2020	Nguyễn Thị Bích Ngọc Trần Văn Tỉnh	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
34	C.408	Pháp luật tài nguyên và môi trường	LT	45	3	30/09/2020-8/10/2020	Phạm Quang Phương	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10

STT	Phòng học	Tên học phần	Kiểu học	Số tiết	Số TC	Thời gian học	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần						
								Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bẩy	Chủ nhật
35	C.407	Quản lý chất lượng nước	LT	30	2	25/09/2020-29/09/2020	Phùng Thị Linh Trần Thùy Chi	11,12,13,14	11.12			11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
36	A.506	Quản lý chất rắn và chất thải nguy hại	LT	45	3	05/10/2020-13/10/2020	Mai Quang Tuấn	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
37	A.502	Quản lý dữ liệu tài nguyên nước	LT	30	2	05/10/2020-10/10/2020	Lê Việt Hùng	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11	
38	A.506	Quản lý môi trường	LT	30	2	14/10/2020-18/10/2020	Nguyễn Thị Linh Giang			11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8
39	A.503	Quản lý tài nguyên khoáng sản	LT	30	2	03/10/2020-04/10/2020	Trần Xuân Trường	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8
40	C.406	Quản lý tài nguyên môi trường	LT	30	2	25/09/2020-29/09/2020	Bùi Thị Nương Hoàng Thị Huê	11,12,13,14	11.12			11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
41	A.602	Quản lý tổng hợp lưu vực sông	LT	30	2	09/10/2020-20/10/2020	Hoàng Thị Nguyệt Minh	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14		
42	A.504	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	LT	30	2	05/10/2020-10/10/2020	Nguyễn Thị Nga	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	
43	A.508	Quản trị kinh doanh	LT	30	2	30/09/2020-04/10/2020	Chu Lâm Sơn			11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8
44	C.406	Quy hoạch cảnh quan	LT	30	2	30/09/2020-04/10/2020	Võ Ngọc Hải			11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8
45	C.411	Quy hoạch môi trường	LT	45	3	17/10/2020-24/10/2020	Mai Hương Lam	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
46	C.406	Quy hoạch sử dụng đất	LT	45	3	11/11/2020-18/11/2020	Nguyễn Thị Nga	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
47	A.506	Sinh thái học	LT	30	2	25/09/2020-29/09/2020	Nguyễn Thị Hoài Thương	11,12,13,14	11.12			11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
48	A.604	Tâm lý học đại cương	LT	30	2	03/10/2020-07/10/2020	Vũ Thị Mạc Dung	11,12,13,14	11,12,13,14	11.12			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
49	A.503	Thanh tra bảo vệ môi trường	LT	45	3	25/09/2020-02/10/2020	Nguyễn Như Yến	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
50	C.406	Thiết kế kiến trúc	LT	30	2	28/10/2020-1/11/2020	Võ Ngọc Hải			11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8,
51	C.405	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên	LT	30	2	30/09/2020-04/10/2020	Mai Hương Lam			11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8
52	C.402	Toán cao cấp 2	LT	30	2	25/09/2020-29/09/2020	Nguyễn Anh	11,12,13,14	11.12			11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
53	C.401	Trắc địa	LT	45	3	25/09/2020-2/10/2020	Ninh Thị Kim Anh	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
54	C.406	Trắc địa cơ sở 2	LT	30	2	22/10/2020-26/10/2020	Trần Thị Thu Trang	11.12			11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
55	C.401	Truyền thông về thủy văn	LT	30	2	03/10/2020-07/10/2020	Đỗ Thị Bính	11,12,13,14	11,12,13,14	11.12			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
56	C.406	Ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và thống kê đất đai	LT	45	3	02/11/2020-11/11/2020	Phạm Thị Mai	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
57	C.406	Xã hội học đại cương	LT	30	2	05/10/2020-10/10/2020	Nguyễn Trọng Trường Sơn	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11	

STT	Phòng học	Tên học phần	Kiểu học	Số tiết	Số TC	Thời gian học	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần						
								Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bẩy	Chủ nhật
58	C.407	Vi Xử Lý	LT	45	3	05/10/2020-12/10/2020	Nguyễn Đức An	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	2,3,4,5, 6,7,8,9,10	2,3,4,5, 6,7,8,9
59	C.407	Lập trình trên nền Web	LT	30	3	25/09/2020-29/9/2020	Vũ Văn Huân	11,12,13,14	11.12			11,12,13,14	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10	1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10
60	A.902	Lập trình trên nền Web	TH	30	3	29/9/2020-4/10/2020	Vũ Văn Huân		13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	11,12,13,14	2,3,4,5, 6,7,8,9,	2,3,4,5, 6,7,8,9

Nơi nhận:
- Trường các đơn vị trực thuộc Trường;
- Công khai trên website;
- Lưu VT, ĐT.TD(2)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Hoàng Anh Huy